

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02083 829156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn)

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2019

Lưu: VP Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Thái Nguyên, tháng 3/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02083 829156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn)

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2019

Lưu: VP Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Thái Nguyên, tháng 3/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
I	THÔNG TIN CHUNG	01
1	Thông tin khái quát	01
2	Quá trình hình thành và phát triển	01
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	09
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	09
5	Định hướng phát triển	11
6	Các rủi ro	16
II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019	19
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	19
2	Tổ chức và nhân sự	21
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	24
4	Tình hình tài chính	25
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	27
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	33
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	33
2	Tình hình tài chính	38
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	41
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	42
5	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	42
6	Báo cáo đánh giá về trách nhiệm liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	42
IV	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	44
1	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	44
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	45



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

STT	NỘI DUNG	TRANG
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	45
V	QUẢN TRỊ CÔNG TY	49
1	Hội đồng quản trị	49
2	Ban kiểm soát	55
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	60
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	63
1	Ý kiến kiểm toán	
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán	



I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: **100.000.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.579.111.593 đồng
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.829.156
- Số fax: 02083.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu: CLH

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

* Việc thành lập:

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên VVMI.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 bàn giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.



*** Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ngày 22 tháng 04 năm 2016 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 252/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CLH.

- Ngày 07/06/2016 mã chứng khoán CLH chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên sàn HNX.





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ
Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056
Email: cpximanglahien@gmail.com Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

*** Giới thiệu về công ty:**



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ**
Tên viết tắt: **LHC**
Tên tiếng Anh: **VVMÍ LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**
Biểu tượng của công ty:





Trụ sở chính của công ty: Xóm cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên.

*** Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phấn đấu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu rằng:

“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HƯNG THỊNH CỦA CÔNG TY”

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao trình độ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2015 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

2.2. Các sự kiện khác trong năm 2019.

- Ngày 10/02/2019 Công ty tổ chức buổi lễ ra quân bán hàng đầu xuân trong không khí sôi nổi, khởi sắc cho hoạt động kinh doanh của năm tiếp theo:





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMJ

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hien - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



- Ngày 05/04/2019 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056
Email: cpximanglahien@gmail.com Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

- Hàng năm Công ty đều tổ chức các buổi gặp mặt, tri ân khách hàng nhằm gìn giữ và tạo sự gắn kết giữa Công ty với các bạn hàng, tại Hội nghị năm 2019 Công ty đã vinh dự được đón tiếp ~ 300 khách hàng tham dự:





- Nhân dịp kỷ niệm 83 năm ngày truyền thống ngành than, ngày 06 tháng 11 năm 2019 Công ty đã rất vinh dự được đón tiếp các thể hệ lãnh đạo Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam về thăm và động viên cán bộ công nhân viên toàn Công ty:



- Ngày 24 tháng 12 năm 2019 Công ty tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD, an toàn vệ sinh lao động năm 2019 và mở Hội nghị người lao động năm 2020. Tại Hội nghị này Công ty đã vinh dự nhận được sự chúc mừng của lãnh đạo Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và các đơn vị trên địa bàn về việc hoàn thành kế hoạch SXKD:



- Ngày 28 tháng 12 năm 2019 Công ty tổ chức Hội nghị gặp mặt, tri ân các thể hệ lãnh đạo, cán bộ, công nhân hưu trí đã làm việc tại Công ty nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty (01/01/1995 - 01/01/2020).





3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, clinker;
- Khai thác đá vôi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

3.2. Địa bàn kinh doanh:

- Trong năm Công ty bán hàng cho ~ 300 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh...vv và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần xi măng la Hiên VVMI được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

4.1. Mô hình quản trị.

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và 03 phó Giám đốc phụ trách các phần hành công việc.

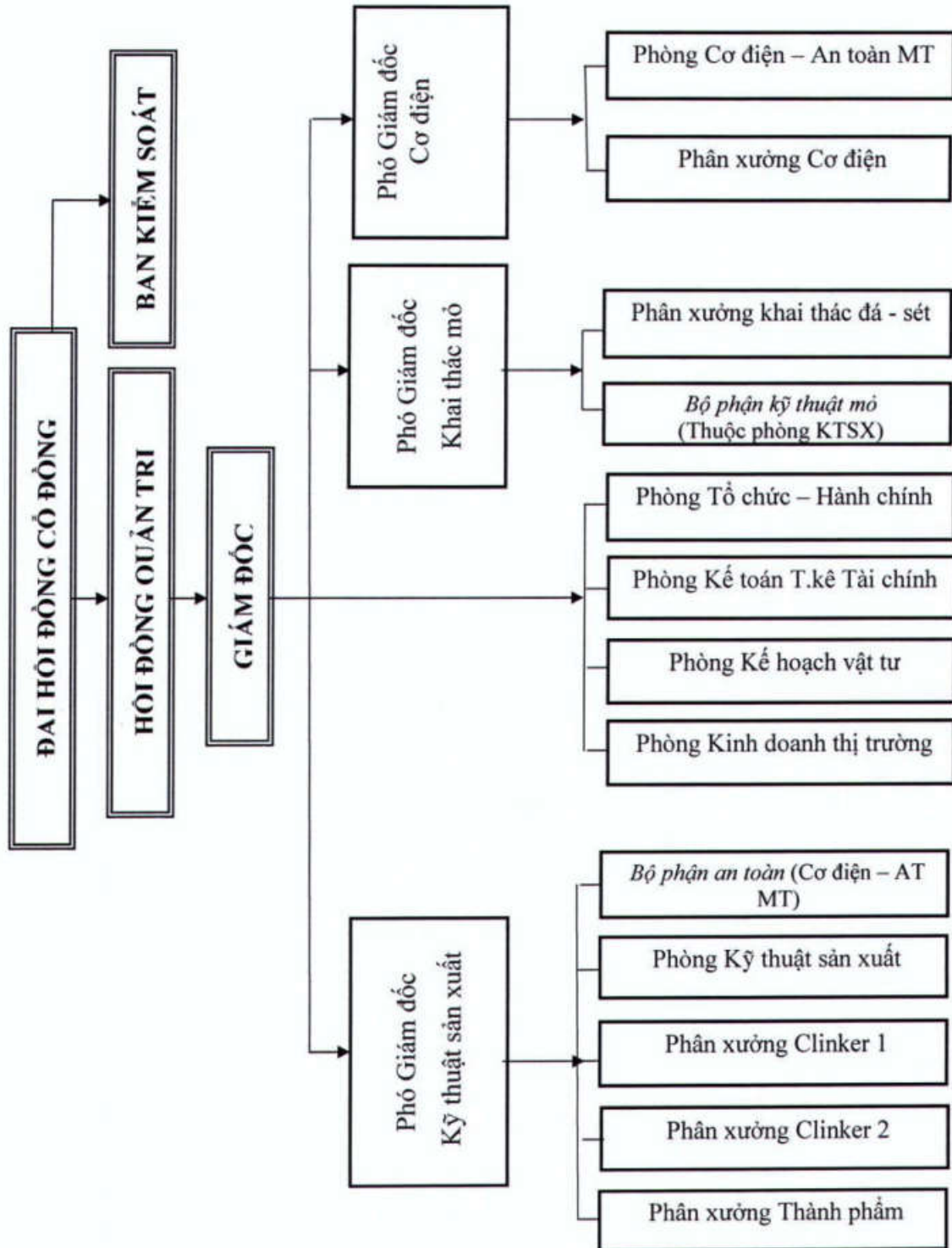
- Công ty là công ty con của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty (51,383% vốn điều lệ).

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.

- Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Giám đốc và các Phó giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ được giao.



4.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/19:





*** Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần để thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) của Công ty.

*** Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước các cổ đông, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

*** Bộ máy điều hành:**

Đứng đầu bộ máy điều hành là ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc phụ trách từng lĩnh vực.

Hiện nay theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu sắp xếp thu gọn giảm các đầu mối quản lý, Công ty duy trì 06 phòng và 05 phân xưởng. Các phòng ban, phân xưởng đều có mối quan hệ gắn kết với nhau nhằm hỗ trợ trong việc thực hiện các công việc để hoạt động SXKD của Công ty luôn được thông suốt.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

5. Định hướng phát triển

Với mục tiêu tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty; xây dựng Công ty trở thành một thực thể vững mạnh, có uy tín thương hiệu tại các vùng thị trường; tạo lập một văn hóa doanh nghiệp có bản sắc riêng; xây dựng một hình mẫu về phát triển theo chiều



sâu trong đầu tư, sản xuất và thương mại, Công ty đã đề ra những mục tiêu, chiến lược nhằm giúp xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tiếp tục duy trì và phát huy các mục tiêu đã đề ra:

- Sản xuất kinh doanh theo tiêu chí: **An toàn – Năng suất – Chất lượng – Hiệu quả**

- Phát huy cao tinh thần **Kỷ luật – đồng tâm**

- Hòa hòa lợi ích của các Cổ đông và Người lao động

- Khách hàng là số 1

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;

- Sản xuất xi măng thân thiện với môi trường, trách nhiệm trong cộng đồng xã hội;

- Tiếp tục đầu tư theo hướng mở rộng, cải tiến công nghệ, tăng năng suất;

- Ứng dụng cuộc cách mạng công nghệ 4.0;

- Sử dụng các loại chất thải làm nguồn nguyên liệu;

- Thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

*** Chiến lược về sản phẩm và thị trường:**

Sản phẩm và thị trường của Công ty đặc biệt quan trọng, nó quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty. Do đó việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu. Để hoạt động này đáp ứng được các yêu cầu Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đà phát triển, giữ vững và xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu uy tín trên thị trường.

- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.

- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời,



phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

*** Chiến lược đầu tư công nghệ:**

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.

- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.

- Nghiên cứu phương án cải tạo, thay thế thiết bị trong dây chuyền để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đảm bảo đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

*** Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Tích cực đưa ra các giải pháp để tăng hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

*** Chiến lược nhân sự:**

- Tiếp tục cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ sung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.

- Tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn tốt để đào tạo kế cận, thay thế. Có chính sách đãi ngộ tốt đối với lao động chất lượng và có tâm huyết xây dựng sự phát triển của Công ty.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty. Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ tốt trong các phòng ban Công ty.



- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi. Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

- Tăng cường đổi mới trong cách thức Quản trị doanh nghiệp; lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chí hàng đầu trong chiến lược kinh doanh.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

*** Đối với môi trường:**

- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục những ảnh hưởng xấu.

- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý các chất thải rắn phát sinh đúng các quy định trong Quy trình xử lý chất thải.

- Kiểm tra, đánh giá tác động của dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, đá, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Tổ chức các phong trào xanh, sạch, đẹp, làm vệ sinh, trồng bổ sung cây xanh quanh nhà máy và các khu đất trống. Thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02083 829 156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bông - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên





*** Đối với xã hội và cộng đồng:**

Hường ứng tích cực thông điệp của Thủ tướng Chính phủ “Không để người dân nào bị bỏ lại phía sau” Công ty đã rất tích cực trong các hoạt động:

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.

- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, giúp đỡ các gia đình chính sách, người nghèo, đóng góp để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.

6. Các rủi ro:

Công ty có thể bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh bởi các rủi ro sau:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

*** Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP)**

Năm 2019, Việt Nam đã thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng. Kết quả đây là năm thứ hai liên tiếp nước ta đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó 7 chỉ tiêu vượt kế hoạch là: GDP, xuất khẩu, giảm nghèo, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, xuất siêu, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, số giường bệnh/vạn dân. Kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc, tốc độ GDP tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra (từ 6,6-6,8%) và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao hàng đầu khu vực và thế giới.

Năm 2020 trước đại dịch viêm phổi cấp Covid - 19 cũng đã ảnh hưởng rất nặng nề đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Sự bùng phát nhanh chóng của dịch bệnh trên toàn cầu và chưa dừng lại cũng sẽ là rủi ro hết sức nguy hiểm đối với sự phát triển của toàn nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế nhận định tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 sẽ giảm ít nhất 0,55% so với năm 2019.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo việc đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại. Trong những tháng đầu năm 2020 gần như thị trường xuất khẩu xi măng, clinker bị ngưng trệ; sản lượng tiêu thụ trong nước



cũng giảm rất mạnh, theo báo cáo của Hiệp hội xi măng Việt Nam và công văn số 140/TTHH ngày 28/02/2020 của Hiệp hội xi măng Việt Nam trình Thủ tướng Chính Phủ việc tiêu thụ xi măng nội địa giảm sút chỉ bằng 60% so với cùng kỳ 2019 và bằng 48% so với cuối năm 2019. Xi măng La Hiên cũng không thể nằm ngoài những tác động ảnh hưởng đó và cũng sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty.

*** Lạm phát:**

Nhờ những chính sách quyết liệt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ mà lạm phát của Việt Nam trong những năm gần đây tăng ở mức thấp nhưng các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như chi phí điện, than, ... lại có xu hướng gia tăng, phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

*** Lãi suất:**

Một doanh nghiệp khi huy động vốn vay từ bên ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ chịu rủi ro khi lãi suất thị trường tăng hoặc giảm. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMi sử dụng nguồn vốn vay làm nguồn tài trợ chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, diễn biến tăng giảm lãi suất sẽ có tác động ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Tỷ giá hối đoái:**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và biến động của tỷ giá hối đoái dẫn đến những tác động bất lợi cho doanh nghiệp.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần niêm yết, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMi sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác đến lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Là quốc gia đang phát triển, đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường nên hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung, dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3. Rủi ro đặc thù

*** Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào**



Những vật tư, nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, thạch cao, quặng sắt, cước vận tải,... Về nguyên liệu chính, Công ty có lợi thế sở hữu mỏ nguyên liệu trữ lượng lớn và chất lượng cao, đáp ứng cho việc sản xuất xi măng. Còn đối với các nguyên liệu cần có sự cung cấp từ bên ngoài có đặc tính biến động theo giá thị trường, một mặt, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu; mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Tuy nhiên dây chuyền thiết bị của Công ty chủ yếu được nhập từ Trung Quốc, dịch bệnh Covid – 19 bắt nguồn từ nước này nên cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc nhập khẩu thiết bị, thông quan, nhập cảnh của các chuyên gia đến làm việc tại Công ty.

*** Rủi ro cạnh tranh**

Vị trí công ty nằm trong khu vực có mật độ tập trung các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước (*toàn Tỉnh Thái Nguyên hiện có 05 Nhà máy xi măng*) do đó tình trạng cung vượt cầu rất lớn dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa, đẩy mạnh giá xuống thấp. Ngoài ra, trong thời gian tới, công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm xi măng nước ngoài khi Việt Nam mở cửa theo các hiệp định thương mại quốc tế như Hiệp định Thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),...

6.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển, và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

6.5. Rủi ro về môi trường

Quá trình sản xuất clinker và xi măng tại các nhà máy xi măng trên toàn Thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan tới việc thải ra khối lượng khói bụi vào môi trường sống. Sự ô nhiễm do quá trình sản xuất xi măng đang



buộc chúng ta phải có những thay đổi tích cực mà mục tiêu không gì khác là bảo vệ môi trường. Do vậy sẽ rất rủi ro cho hoạt động của Công ty khi chưa đầu tư hoặc không thể đầu tư được các hệ thống thiết bị để xử lý khói bụi.

6.6. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giảm sản lượng hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất đối với Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của cả nước, năm 2019 cũng là năm thành công vượt trội của ngành xi măng Việt Nam với mức xuất khẩu tăng kỷ lục, giữ vững ổn định thị trường nội địa. Công ty cổ phần xi măng La Hiên cũng phần nào được hưởng từ lợi thế đó.

Trong năm Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Công ty luôn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, đã mở thêm một số vùng thị trường mới, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Sử dụng nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả giảm ~ 32% chi phí tài chính so với năm liền kề.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, trong năm đã hạn chế xảy ra sự cố đột xuất trong sản xuất. Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia giúp hạ giá thành sản phẩm.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.

Năm 2019 là năm Công ty đạt được đỉnh cao nhất về hiệu quả kinh doanh kể từ khi thành lập đến nay. Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã được tăng trưởng rõ nét. Quyền lợi của cổ đông và người lao động đều được nâng cao.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

* Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:



T T	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	% TH 2019 2018	% TH KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	771.715,03	720.000	743.515,39	96,35	103,26
1	Xi măng	"	763.349,52	695.000	712.363,67	93,32	102,50
2	Clinker thương phẩm	"	8.365,51	25.000	31.151,72	372,38	124,61
I	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	806.636,89	720.000	743.515,39	92,17	103,26
-	Xi măng	"	774.897,40	695.000	712.363,67	91,93	102,50
-	Clinker thương phẩm	"	31.739,49	25.000	31.151,72	98,15	124,61
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	723.539,89	632.995,78	695.201,98	96,08	109,83
-	Xi măng	"	695.338,39	617.020,70	666.791,08	95,89	108,07
-	Clinker thương phẩm	"	19.212,98	15.975,08	20.575,53	107,09	128,80
-	Doanh thu, thu nhập khác		8.988,52		7.835,36	87,17	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	39.132,13	35.000	47.971,63	122,59	137,06
D	Cổ tức (dự kiến) (i)	%/V ĐL	17	12	40	235,29	333,33
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	24.128,22	32.184	42.438,95	175,89	131,86
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động bình quân	Người	616	600	599	97,24	99,83
2	Tiền lương bình quân	đ/n/th	10.640.408	9.916.667	11.083.162	104,16	111,76

(i) Cổ tức năm 2019 dự kiến chi trả 40%/VĐL, trong đó cổ tức chi trả bằng tiền là 20%, trả cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ là 20%.

* Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:

Năm 2019 mặc dù sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 92,17% so với năm 2018 nhưng doanh thu lại đạt 96,08%. Do tiết kiệm được các khoản chi phí nên lợi nhuận trong năm 2019 cũng đã tăng trưởng vượt bậc.

- Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMi luôn xác định chủ động nắm bắt tình hình, linh hoạt trong điều hành chỉ đạo, xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.



- Công ty luôn vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, tiết kiệm các chi phí trong sản xuất nhằm giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Đặc biệt Công ty luôn có sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của cán bộ và tập thể người lao động. Bộ máy quản lý đã chủ động và sát sao hơn trong điều hành sản xuất, công tác thị trường, tiếp cận các hộ tiêu dùng trực tiếp nhằm tăng sản lượng. Công ty đã biết vận dụng linh hoạt trong cơ chế bán hàng, tiết kiệm tốt các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện quản lý tốt máy móc thiết bị, công nghệ nên đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2019 và đạt mức lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Ông Nguyễn Văn Dũng:

Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 01/10/1966

Quê quán: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.946 Ngày cấp: 20/7/2017 Nơi cấp: CA Thái Nguyên.

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,523%

2.1.2 Ông Lê Bá Chức:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965

Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,157%



2.1.3 Ông Trần Quang Khải:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 27/07/1973

Quê quán: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.752.277 Ngày cấp: 01/06/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 30, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,041%

2.1.4 Ông Vũ Ngọc Bách:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 10/04/1964

Quê quán: Xã Nam Lợi, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.594.380 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2.1.5 Bà Lê Thị Thu Hiền:

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 04/05/1974

Quê quán: Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.943 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,38%

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Trần Quang Khải bắt đầu giữ chức danh Phó giám đốc Công ty kể từ ngày 01/04/2019.



2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 585 người, trong đó:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Cán bộ quản lý	36	6,15%
2	Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	44	7,52%
3	Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ	88	15,04%
4	Nhân viên phục vụ	35	5,98%
5	Công nhân lao động	381	65,14%
6	Công đoàn	1	0,17%
	Tổng cộng:	585	100,00%

Và có các trình độ chuyên môn sau:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Trình độ thạc sỹ	5	0,85%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	152	25,98%
3	Trình độ trung cấp	46	7,86%
4	Công nhân kỹ thuật	374	63,94%
5	Lao động phổ thông	8	1,37%
	Tổng cộng:	585	100,00%

- Thực hiện chủ trương tái cơ cấu và sắp xếp lao động, trong năm đã giải quyết nghỉ chế độ và chấm dứt hợp đồng lao động cho 24 người.

- Xác định nguồn nhân lực luôn là nguồn quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của Công ty.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.



- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

- Công ty luôn có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thoả đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Động viên khen thưởng kịp thời và tặng quà cho người lao động nhân các dịp lễ. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động, cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát vv... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

*** Đầu tư tài chính:**

Công ty không có các khoản đầu tư tài chính nào.

*** Đầu tư dự án:**

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2019 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư ghi trong kế hoạch năm, cụ thể:

+ Dự án đầu tư Hệ thống quan trắc khí thải tự động đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 15/11/2019.

+ Dự án đền bù giải phóng mặt bằng mỏ sét Cúc Đường Công ty đã quyết toán và hạch toán đưa vào chi phí trong hai năm 2019 và năm 2020.

+ Dự án đầu tư cải tạo cân cấp than dây chuyền lò II, hiện tại thiết bị đã được nhập khẩu về Công ty, chờ dừng dây chuyền sản xuất để lắp đặt, kết nối và bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Dự án đầu tư Trạm biến áp 400KVA và đường điện mỏ đá vôi Đồng Chuồng đã thực hiện xong việc mời thầu và đang tổ chức đánh giá lựa chọn nhà thầu.

+ Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn đang thực hiện việc lập báo cáo KTKT đầu tư dự án và lựa chọn thuê tư vấn lập hồ sơ.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:



Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng(+); Giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	347.578,54	309.265,12	-11,02%
2	Doanh thu thuần	720.636,71	689.684,53	-4,30%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	38.657,15	47.881,02	23,86%
4	Lợi nhuận khác	474,98	90,61	-80,92%
5	Lợi nhuận trước thuế	39.132,13	47.971,63	22,59%
6	Lợi nhuận sau thuế	31.192,50	38.288,43	22,75%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	54,50%	52,24%	-4,16%

- Các chi tiêu khác:

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,30	0,37	
+	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,21	0,27	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,43	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,12	0,77	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			



STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
+	Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	39,04	43,48	
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,07	2,23	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Doanh thu thuần	4,33%	5,55%	
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Vốn chủ sở hữu	19,05%	21,91%	
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Tổng tài sản	8,97%	12,38%	
+	<u>Hệ số LN từ hoạt động KD</u> Doanh thu thuần	5,36%	6,94%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.982.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 18.000 cổ phần.

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do quyết định của Tòa án: là 18.000 cổ phiếu. Đây là trường hợp cổ đông Phạm Triều Dương bị thu hồi cổ phiếu theo Quyết định số 23/QĐ-THA ngày 19/4/2010 của Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên, số lượng cổ phiếu này được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự TP. Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án.

- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có



5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông lớn</i>	<i>5.138.300</i>	<i>51,383%</i>
+	<i>Cổ đông nhỏ</i>	<i>4.861.700</i>	<i>48,617%</i>
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông tổ chức</i>	<i>5.889.450</i>	<i>58,8945%</i>
+	<i>Cổ đông cá nhân</i>	<i>4.110.550</i>	<i>41,1055%</i>
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>9.985.300</i>	<i>99,853%</i>
+	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>14.700</i>	<i>0,147%</i>
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông nhà nước</i>	<i>5.138.300</i>	<i>51,383%</i>
+	<i>Cổ đông khác</i>	<i>4.861.700</i>	<i>48,617%</i>

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không có các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty luôn tuân thủ và tích cực thực hiện theo các chính sách cũng như các chương trình hành động quốc gia về phát triển bền vững. Tinh thần đó được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống quản lý của Công ty.

Mục tiêu và kế hoạch hành động đặt ra là: Bảo vệ Môi trường bền vững, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xanh hóa sản xuất và môi trường sống. Quản lý việc sử dụng nguồn nước và các tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây nhằm cải thiện môi trường sống, giảm thiểu lượng rác thải ra ngoài môi trường.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu



a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đá vôi	Tấn	546.079,44	
2	Đá phụ gia	“	146.900,7	
3	Đá thải	“	121.947,3	
4	Đất sét	“	40.264,2	
5	Đất cao silic	“	49.022,4	
6	Quặng sắt	“	9.743,3	
7	Thạch cao	“	6.426,38	
8	Đá mặt	“	10.8808,9	
9	Tro đáy	“	13.445,9	
10	Xi bông	“	4.127,13	
11	Vỏ bao	Vỏ	14.063.806	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là:

Công ty đã tận dụng lại các nguyên vật liệu thải ra trong quá trình sản xuất để tái chế sử dụng lại như tro đáy từ nhà máy điện, đá bã sàng từ than, xi bông từ nhà máy gạch góp phần giảm thải ra môi trường.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu diezen	Lít	833.361,00	
2	Dầu hỏa	“	35,00	
2	Xăng A95	“	22.170,00	
3	Than cám 5a.6	Tấn	83.089,54	
4	Điện năng	KW	75.037.643	

Xác định năng lượng là một nguồn tài nguyên, khoáng sản của quốc gia. Con người sống không thể thiếu năng lượng mà năng lượng là hữu hạn do vậy chúng ta cần sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.



Công ty cổ phần xi măng La Hiên luôn nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nhằm sử dụng tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng. Trong cơ cấu sản phẩm của Công ty thì yếu tố than, điện chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản phẩm, do vậy giải pháp tiết kiệm tiêu hao than, điện là vấn đề luôn được quan tâm chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Hiện công ty có nguồn cung cấp nước mặt và nước từ giếng khoan với lượng nước sử dụng trong năm là: Nước mặt 31.628 m³, nước giếng 20.012 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty xây dựng bể chứa nước tuần hoàn để phục vụ sản xuất nhằm tránh lãng phí trong sử dụng tài nguyên nước với tỷ lệ tái sử dụng lại trên 80%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn nghiêm túc trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm công ty đã thực hiện xong dự án Quan trắc khí thải tự động và đã đưa vào sử dụng nhằm kiểm soát tốt mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất đối với môi trường để từ đó có những giải pháp khắc phục kịp thời, hạn chế tác động xấu đến môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2019 Công ty có 585 người lao động, số lao động bình quân trong năm là 599 người, tiền lương bình quân đạt 11.083.162 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Người lao động luôn được quan tâm trong việc chăm sóc sức khỏe, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại đầy đủ theo quy định. Hàng năm được tập huấn an toàn để phòng người những rủi ro có thể xảy ra trong sản xuất cũng như



đời sống hàng ngày. Định kỳ một năm hai lần có tổ chức các đợt khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

Thực hiện đúng số giờ làm việc của người lao động theo quy định của pháp luật. Luôn để người lao động thấy Công ty trở thành nơi làm việc tốt nhất và lý tưởng nhất cho người lao động. Thu hút và giữ chân được nhân tài, duy trì môi trường làm việc lý tưởng, chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt nhất có thể.

- Rèn luyện thể thao để tăng cường sức khỏe trong CBCNV Công ty:





Những CBCNV ưu tú được Công ty cho đi tham quan, du lịch tại Hàn Quốc:



c) Hoạt động đào tạo người lao động

Củng cố nhân sự bền vững, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức cho nhân viên; đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động; cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhằm nâng cao trình độ năng lực trong quản trị kinh doanh.



6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Xây dựng doanh nghiệp phát triển gắn với trách nhiệm xã hội là vấn đề được ưu tiên, là nhu cầu tất yếu của Công ty. Công ty luôn đề cao “Thương hiệu gắn bó cộng đồng”. Chung tay cùng xây dựng một cộng đồng bền vững. Tích cực tổ chức/tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng. Đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Trước xu hướng phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, Việt Nam đang triển khai Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh với nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược Tăng trưởng xanh là “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dân trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.



Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đây mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để thực hiện tăng trưởng xanh, việc tạo ra được sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý, các tổ chức chính trị, xã hội, cộng đồng doanh nghiệp cũng như công chúng đầu tư là rất quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến động của thị trường vốn xanh.

Tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, chúng tôi luôn hiểu rằng sự phát triển và thành công của một doanh nghiệp không chỉ là những con số về tài chính mà còn là sự gắn kết, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước, xã hội, cộng đồng và các đối tác liên quan. Với nhận định đó, trong lộ trình phát triển bền vững của mình, Xi măng La Hiên luôn nỗ lực hết mình trong việc tìm kiếm và triển khai các giải pháp trong định hướng tăng trưởng xanh (thị trường vốn xanh) và phát triển bền vững của đất nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Năm 2019, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại; cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng; giá vàng tăng cao, giá dầu thô biến động mạnh; rủi ro trên thị trường quốc tế tăng lên; nhiều quốc gia nới lỏng chính sách tài chính, tiền tệ... Tình hình khu vực, biển Đông diễn biến rất phức tạp. Trong khi đó, những khó khăn, hạn chế nội tại của nền kinh tế và thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

Trong điều kiện tác động, ảnh hưởng từ bên ngoài rất lớn và ngày càng gia tăng, Công ty kiên định mục tiêu đề ra, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là *giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng*.

Đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2019 cũng vẫn còn gặp nhiều khó khăn tại thị trường trong nước do nằm trong vùng có mật độ các nhà máy xi



mãng nhiều nhất cả nước, tình trạng cạnh tranh tại các khu vực là thị trường truyền thống rất quyết liệt.

Nhận định được những khó khăn đó trong năm 2019 Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, ngay từ những tháng đầu năm Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 743.515,39 tấn/KH 720.000 tấn = 103,27% kế hoạch giao; doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 695.201,98trđ/KH 632.995,78 tr.đ = 109,83% kế hoạch giao; Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 47.971,63/KH 35.000 tr.đồng = 137,06% kế hoạch giao; sản xuất luôn đảm bảo an toàn.

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, đồng thời Hội đồng quản trị và ban điều hành tiếp tục vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra. Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019, sản xuất được duy trì ổn định và đang trên đà tăng trưởng; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn cùng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2019 ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được. và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

*** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:**



Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Thành công của công tác thị trường năm 2019 là Công ty đã tăng được cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột, clinker giá bán thấp tăng hiệu quả kinh doanh năm 2019.

Lãnh đạo Công ty rất sát sao trong công tác chỉ đạo, bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh, thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng đưa ra các giải pháp thích hợp để tăng sản lượng xi măng bán vào các thị trường có giá bán cao.

Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đôn đốc việc thu hồi công nợ.

*** Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:**

Công tác kiểm tra sản phẩm trong dây chuyền được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo số liệu có độ chính xác tin cậy cung cấp cho các bộ phận liên quan góp phần phát hiện, xử lý và có biện pháp khắc phục - phòng ngừa sản phẩm không phù hợp. Sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển. Cân đối sản lượng tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thiết bị phải dừng hoạt động vào giờ cao điểm và chủ yếu hoạt động vào giờ thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, giảm giá thành sản phẩm.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

Tích cực tìm các giải pháp để đầu tư cải tiến thay thế thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật thay thế thiết bị mới tốt hơn tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm. Tổ chức tốt việc bảo dưỡng, sửa chữa sự cố, sửa chữa lớn thiết bị, chủ động dừng lò



và thiết bị để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch vào các thời điểm tết nguyên đán và mùa mưa sản lượng tiêu thụ chậm.

Tổ chức kiểm tra giám sát công tác quản lý chăm sóc thiết bị của các đơn vị phân xưởng sản xuất, phát hiện các dấu hiệu hư hỏng máy móc thiết bị trong dây chuyền, phối hợp cùng các đơn vị đưa ra phương án xử lý sửa chữa nhằm đảm bảo cho thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định về chất lượng, năng suất và tăng thời gian huy động, giảm sự cố thiết bị đột xuất không mong muốn trong năm 2019.

*** Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, điều hành tiết kiệm chi phí:**

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa trong sản xuất là vấn đề luôn được quan tâm. Năm 2019 các tập thể và các cá nhân người lao động đã có 25 sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết thực có giá trị và làm lợi cho Công ty nhiều tỷ đồng và cải thiện môi trường làm việc trong Công ty.

Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu, giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tổng Công ty để chỉ đạo điều hành, thực hiện chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2019 với các nhóm giải pháp tích cực. Thành lập ban chỉ đạo, ban hành chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí năm 2019 kèm theo các nhóm giải pháp điều hành, và nghiệm thu kết quả thực hiện với các chỉ tiêu cụ thể.

*** Công tác kế hoạch, khoán quản:**

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- Công tác vật tư: Tích cực tìm nguồn hàng vật tư nguyên vật liệu sản xuất trong nước đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh để phục vụ sản xuất. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh. Công tác quản lý kho tàng, xuất nhập vật tư an toàn đúng pháp luật. Thực hiện quyết toán vật tư theo quy định, theo dõi việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư và tham gia xây dựng định mức tiêu hao vật tư ở các phòng ban phân xưởng trong Công ty. Trong năm tổ chức sắp xếp quản lý kho vật tư hợp lý, an toàn khoa học. Số dư hàng tồn kho vật liệu cuối kỳ đạt hệ số tồn kho <4% theo quy định của Tập đoàn TKV và Tổng công ty.

- Công tác đầu tư xây dựng: Thực hiện các dự án theo kế hoạch giao trên cơ sở nghiên cứu thực hiện trước các dự án đầu tư phát triển phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án, tổ chức đấu thầu thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước.



*** Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao.

Trong năm đã xây dựng lại Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý công nợ, quy chế huy động vốn ...cho phù hợp, đảm bảo cho công tác quản lý của Công ty ngày càng tốt hơn. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được bảo toàn và tăng trưởng tốt, các hệ số tài chính được cải thiện rõ rệt.

*** Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Phòng Tổ chức lao động đã tích cực tham mưu cho Giám đốc phương án Tái cơ cấu lao động, trong năm 2019 đã giảm được 24 lao động. Tập trung lao động cho mục tiêu chính, cốt lõi của Công ty; Tinh giản lao động không làm giảm chất lượng lao động; Tái cơ cấu lực lượng lao động đi đôi với tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, TN, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Quản lý chặt chẽ quy trình vận hành, chủ động trong công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và dự báo vật tư dự phòng thay thế. Tình trạng kỹ thuật thiết bị luôn được theo dõi chặt chẽ, các dấu hiệu sự cố được chủ động phát hiện và xử lý kịp thời duy trì thiết bị hoạt động ổn định. Công nhân vận hành có ý thức trách nhiệm



cao, tự giác trong công tác chăm sóc bảo dưỡng thiết bị, trình độ vận hành thiết bị ngày càng được nâng cao.

*** *Khôi phục vụ:***

Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho CNVC -LD. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ phối hợp tốt với địa phương trong địa bàn làm công tác an ninh trật tự khu vực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, thực hiện tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

*** *Công tác an toàn bảo hộ lao động:***

Công tác ATBHLĐ năm 2019 luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của Công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng qui chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

2. *Tình hình tài chính*

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định .

- Thanh toán cho người bán đúng hợp đồng, các khoản gốc, lãi vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng và trước kỳ hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ và việc sử dụng các quỹ trong năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.1. *Tình hình tài sản*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

*** *Tình hình tài sản:***



Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% Tăng, giảm
I	Tài sản ngắn hạn	46.396.903.625	47.246.583.600	1,83%
II	Tài sản dài hạn	301.181.636.256	262.018.533.651	-13,00%
	Tổng cộng	347.578.539.881	309.265.117.251	-11,02%

Trong năm Công ty đã phát huy tối đa việc sử dụng tài sản và tiền vốn nhằm đạt được những lợi ích cao nhất. Tính đến thời điểm 31/12/2019 giá trị tổng tài sản của Công ty giảm 11,02% so với thời điểm 31/12/2018 chủ yếu do giảm các khoản phải thu, hàng tồn kho và trích khấu hao TSCĐ để thu hồi vốn.

*** Tình hình công nợ phải thu:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% Tăng, giảm
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	29.654.547.271	17.267.060.621	-41,77%
2	Trả trước cho người bán	711.304.071	132.077.659	-81,43%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.093.126.548	842.311.741	-22,94%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-1.265.953.027	-1.201.945.881	-5,06%
	Tổng cộng	30.193.024.863	17.039.504.140	-43,56%

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép. Trong năm 2019 Công ty rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, nợ phải thu đã giảm 41,77% so với cùng kỳ năm trước. Trả trước cho người bán do Công ty thực hiện chính sách thanh toán trước tiền mua than, một số công nợ xấu cũng đã được thu hồi. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi giảm do thu hồi được công nợ của một số khách hàng đang trích lập dự phòng.

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:**



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	39,04	43,48
2	Vòng quay khoản phải thu	"	14,43	15,12
3	Vòng quay vốn lưu động	"	10,54	11,27
4	Vòng quay tài sản dài hạn	"	2,39	2,63
6	Tỷ suất lợi nhuận / Tổng TS (ROA)	%	8,97	12,38
7	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn CSH (ROE)	%	19,05	21,91

Nhìn chung tài sản của Công ty được sử dụng tốt, các chỉ tiêu sử dụng tài sản điều được nâng cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty đã rất tích cực trong việc quản lý và sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

* Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	153.583.822.998	128.620.126.698	-16,25%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	35.659.631.184	30.406.530.906	-14,73%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	531.542.166	1.666.566.876	213,53%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.830.329.659	15.032.007.156	-15,69%
4	Phải trả người lao động	24.609.002.699	31.616.036.795	28,47%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.112.161.380	3.177.148.262	-22,74%
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.987.609.718	3.397.045.560	70,91%
+	<i>Tiền cổ tức phải trả</i>	<i>273.412.313</i>	<i>770.886.750</i>	<i>181,95%</i>
+	<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.714.197.405</i>	<i>2.626.158.810</i>	<i>53,20%</i>
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	64.237.934.288	38.436.556.480	-40,17%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.615.611.904	4.888.234.663	5,91%
II	Nợ dài hạn	30.223.102.031	5.894.640.434	-80,50%
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	29.798.494.667	5.480.260.740	-81,61%



STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm
2	Dự phòng phải trả dài hạn	424.607.364	414.379.694	-2,41%
	Tổng cộng	183.806.925.029	134.514.767.132	-26,82%

Đối với thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước do có chính sách được chậm trả khi ngân sách còn có nợ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế, do vậy số tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng nằm trong số tiền mà ngân sách còn nợ Công ty.

Phải trả ngắn hạn khác tăng do một số nhà thầu nộp tiền bảo đảm dự thầu và thực hiện cho hợp đồng mua bán năm 2020.

Vay tài chính ngắn hạn giảm do nợ dài hạn đến hạn trả của vay đầu tư đã giảm và vốn thiếu nguồn cũng đã được cải thiện do vậy vốn vay ngắn hạn cũng đã được giảm xuống.

Vay tài chính dài hạn giảm do cuối năm Công ty đã chuyển một phần nợ dài hạn đến hạn trả sang nợ ngắn hạn.

*** Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.**

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

Công ty chịu sự rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có rủi ro tỷ giá hối từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Lãi suất vay vốn trong năm từ các tổ chức tín dụng được duy trì ở mức tương đối ổn định do vậy không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiết giảm lao động tuyệt đối 24 người do chấm dứt hợp đồng lao động kể từ đầu năm đến thời điểm 31/12/2019 tổng số lao động còn 585 người.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.



Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Có kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị 2 dây chuyền sản xuất khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, trọng tâm là sửa chữa lớn các hạng mục chính đảm bảo điều kiện tốt nhất cho dây chuyền hoạt động tối đa. Nghiên cứu thay thế thiết bị dây chuyền 2 đã lạc hậu về kỹ thuật năng suất thấp; Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker sản xuất.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội và động cơ cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu lao động. Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty; Báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ được lập phù hợp với các tiêu chuẩn kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Do vậy Ban giám đốc không có giải trình đối với ý kiến của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



Hiện nay biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề toàn cầu và ngày càng tác động nghiêm trọng đến điều kiện môi trường sống trên trái đất. Trong đó Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Là một tổ chức hoạt động trong nền kinh tế, xi măng La Hiên luôn cam kết thực hiện các giải pháp phù hợp với sự đầu tư về tài chính, nhân lực và hệ thống quản lý đảm bảo xử lý tốt các nguồn thải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng và tiếp tục áp dụng sử dụng các nguồn nguyên liệu để góp phần vào mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hàng năm Công ty đều lập kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ từ đầu năm, tổ chức thực hiện quan trắc các chỉ tiêu môi trường theo ĐTM và mạng lưới quan trắc đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên phê duyệt. Qua đó, đánh giá được mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường. Hệ thống xử lý nước thải, khí thải hoạt động ổn định, do vậy môi trường khu vực Công ty và dân cư xung quanh đều đảm bảo theo quy định. Năm 2019, Công ty cũng đã triển khai lắp đặt xong hệ thống quan trắc khí thải tự động, hiện đang trong quá trình chạy thử, góp phần kiểm soát tốt hơn các chỉ tiêu về môi trường không khí. Sau các đợt quan trắc định kỳ, chỉ tiêu môi trường năm 2019 của Công ty đều đảm bảo theo quy định, cụ thể:

- Về khí thải:

+ Khí thải công nghiệp: Tất cả các chỉ tiêu phân tích của ống khói khí thải như: CO₂, SO₂, NO_x, nồng độ bụi... đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 23:2009/BTNMT, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

+ Môi trường không khí khu vực sản xuất: Tất cả các chỉ tiêu phân tích như: độ rung, tiếng ồn, ánh sáng... đều nằm trong giới hạn cho phép của quyết định 3733/2002/BYT. Điều đó cho thấy môi trường làm việc tại công ty tương đối tốt.

+ Môi trường không khí khu vực xung quanh: Các chỉ tiêu quan trắc các mẫu không khí xung quanh đại diện đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Không khí môi trường tại Công ty đảm bảo, do đó hoạt động sản xuất của Công ty chưa ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh.

- Về nước thải:

+ Nước thải sản xuất: Kết quả phân tích chất lượng nước thải sản xuất của Công ty định kỳ năm 2019 cho thấy các chỉ tiêu phân tích như: PH, COD, BOD₅, các kim loại nặng... đều trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn cho phép ghi tại QCVN 40: 2011/BTNMT.



+ Nước thải sinh hoạt: Các chỉ tiêu phân tích nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT. Nước thải sinh hoạt xả ra môi trường không gây ảnh hưởng đến chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xi măng La Hiên luôn quan tâm đến môi trường làm việc cho người lao động, hạn chế tối thiểu những ảnh hưởng xấu của môi trường đến sức khỏe người lao động.

Với ý thức đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường Công ty nhận thức được trách nhiệm An toàn - Sức khỏe - Môi trường là một việc quan trọng như bất kỳ một hoạt động nào khác trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tất cả các nhân viên của khối sản xuất đã được triển khai thực hiện các nguyên tắc và cam kết tuân thủ theo các quy định của Công ty nhằm góp phần vào công tác an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường cũng như đóng góp vào việc bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động cộng đồng từ lâu đã trở thành truyền thống và là một phần không thể tách rời trong hoạt động tổng thể của xi măng La Hiên. Công ty luôn tham gia tích cực vào các hoạt động vì lợi ích cộng đồng trong sự đồng hành với các hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể, tổ chức xã hội.

Luôn có trách nhiệm bảo vệ và giảm thiểu những tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường sống xung quanh khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như trồng bổ sung cây xanh, thường xuyên tưới nước chống bụi...vv

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019 nhận thức rõ được những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao cho như: Môi trường kinh doanh của công ty vẫn luôn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi măng trên thị trường dư thừa nhiều do cung nhiều hơn cầu, thị trường bất động sản đã phục hồi nhưng chậm. Thiết bị sản xuất xi măng có công suất nhỏ, sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều. Số lượng lao động lớn, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao đã làm cho đời sống công nhân viên chức lao động gặp nhiều khó khăn đó là những áp lực rất lớn trong năm 2019 đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên chức của công ty.



Trong bối cảnh kinh tế luôn có những khó khăn và đầy thử thách, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2019 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, năm 2019 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, tiêu thụ mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, đồng thời Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn khách quan, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp áp dụng để tiết kiệm chi phí đã cho được kết quả khả quan, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với kế hoạch trình tại đại hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.
- Giao kế hoạch SXKD theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.
- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.
- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2020 dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục xu hướng giảm; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay



gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng.

Đặc biệt năm 2020 dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid - 19 đã lan tỏa rất nhiều nước trên thế giới và có những diễn biến phức tạp chưa được khống chế. Nhìn chung thì Covid-19 sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu, làm gián đoạn các nguồn cung ứng sản phẩm, hàng hóa và trực tiếp gây trì trệ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Và chắc chắn, Việt Nam cũng chịu không ít những ảnh hưởng bởi chúng ta có đường biên giới dài, giáp với Trung Quốc và nền kinh tế thị trường luôn mở cửa tự do.

Năm 2020 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HDQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2020 như sau:

*** Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2020**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	730.000	
1	Xi măng	"	690.000	
2	Clinker thương phẩm	"	40.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	"	730.000	
1	Xi măng	"	690.000	
2	Clinker thương phẩm	"	40.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	642.858,19	
1	Xi măng	Tr.đ	617.418,19	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	24.360	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	1.080	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	36.500	
D	Cổ tức	%	15,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	31.780	



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	Ghi chú
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động bình quân	Người	570	
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/t hg	10,67	

*** Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2020: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **45.638** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

ST T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyên tiếp			2.528
1	Trạm biến áp 400 KVA và đường điện	HT	1	2.528
II	Công trình khởi công mới:			43.110
1	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất			13.800
-	Thiết bị phân tích chất lượng Clinker	Cái	1	4.300
-	Máy nén khí 160KW	Cái	1	3.500
-	Xe ca đưa đón công nhân	Cái	1	6.000
2	DA ĐTXD kho chứa nguyên vật liệu xi, thạch cao	m2	2.000	5.400
3	Dự án ĐT cải tạo nâng cấp kho chứa than lò quay 1	HT	1	7.500
4	Hệ thống nạp vỏ bao tự động	Cái	1	4.000
5	Hệ thống xếp bao tự động	Cái	1	8.000
6	Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn	HT	1	4.410
	Tổng cộng			45.638

*** Định hướng của Hội đồng quản trị:**



- Có kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị trong dây chuyền đảm bảo dây chuyền thiết bị được hoạt động thông suốt và bền vững. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như đá vôi, sét, đất cao si lic... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho NLĐ.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất, phân đầu tiết kiệm chi phí theo chủ trương của Tập đoàn và Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV.

- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Rà soát đánh giá kỹ công tác lao động - tiền lương, có lộ trình tăng NSLĐ, tiết giảm lao động, tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo nhân sự bền vững cho hoạt động của Công ty. Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với NSLĐ và hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các quy chế, qui định của Công ty mẹ và các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và



thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm báo cáo tài chính gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần (%)	Ghi chú
1	Ô. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT- TP Quản lý vốn, Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	0,00%	
2	Ô. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty	0,523%	
3	B. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty	0,380%	
4	Ô. Hà Văn Chuyển	Ủy viên HĐQT	0,00%	
5	Ô. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	0,00%	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và



cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty. Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
01	01/BB-HĐQT	25/02/2019	1. Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2018 bằng tiền của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 2. Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
02	02/BB-HĐQT	15/03/2019	1. Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh quý VI; Năm 2018 giao kế hoạch SXKD quý I/2019. 2. Phê duyệt về việc điều chỉnh mức lương NQL của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Đề nghị quyết định bổ nhiệm phó giám đốc công ty và xin ý kiến về nhân sự để bổ nhiệm trưởng phòng CD-ATMT. 4. Chuẩn bị tổ chức đại hội đồng cổ đông thường	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI;	
03	03/BB- ĐHĐC Đ	25/04 /2019	<ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI .2. Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019.3. Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động của Công ty năm 2018 phương hướng hoạt động năm 2019.4. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.5. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 20187. Quyết toán việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2018; Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019.8. Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI đã được kiểm toán.9. Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.10. Thông qua hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan của Công ty để phục vụ SXKD năm 2019. <p>Thông qua hợp đồng mua bán than năm 2019 với Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam.</p> <ol style="list-style-type: none">11. Công nhận kết quả bầu cử thay thế thành viên BKS, Công ty nhiệm kỳ III (2018-2023).	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
04	04/BB- HĐQT	10/5/ 2019	<ol style="list-style-type: none">1. Về việc phê duyệt kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh quý I năm 2019, giao kế hoạch SXKD quý II/2019.2. Về việc thông qua các hợp đồng mua bán với người liên quan của Công ty.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị



S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			3. Về việc phê duyệt cấp hạn mức vay vốn năm 2019. 4. Về việc phê duyệt quy chế tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	quyết
05	01/BBK P- HDQT	16/6/ 2019	1. Phê duyệt hợp đồng dịch vụ tổ chức hội nghị khách hàng với người liên quan của Công ty. Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI.	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
06	02/BBK P- HDQT	06/7/ 2019	1. Phê duyệt Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
07	05/BB- HDQT	17/08 /2019	1. Về việc phê duyệt kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh quý II năm 2019. 2. Về việc giao kế hoạch SXKD quý III/2019. 3. Về việc phê duyệt quy chế tiêu thụ sản phẩm của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 4. Về việc phê duyệt quy chế quản lý công nợ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 5. Về việc phê duyệt quy chế thực hiện dân chủ trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI 6. Về việc phê duyệt quy chế quản lý vật tư của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 7. Về việc phê duyệt quy chế vay vốn trong CBCNV của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 8. Về việc phê duyệt quy chế quản lý, phân phối, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. 9. Về việc điều chỉnh chi phí thiết bị dự án: Hệ thống cân cấp than dây chuyền lò quay số 2- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
08	06/BB-HĐQT	15/11/2019	<p>1. Thông qua hợp đồng cung cấp hàng hóa với người liên quan: + Hợp đồng về việc mua Clinker giữa Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI với Công ty cổ phần xi măng Quán Triều. + Thông qua hợp đồng mua các sản phẩm cơ khí giữa Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI với Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc.</p> <p>2. Phê duyệt kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh quý III năm 2019 và giao kế hoạch SXKD quý IV/2019.</p> <p>3. Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình đường dây 35KV và TBA 400KVA-35/0,4KV mỏ đá Đồng Chuông, thuộc dự án đầu tư xây dựng mỏ đá vôi Đồng Chuông - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p>	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
09	07/BB-HĐQT	02/12/2019	<p>1. Điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án hệ thống cân cấp than dây chuyền lò quay số 2 - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>2. Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2019 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p>	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
10	08/BB-HĐQT	31/12/2019	<p>1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án đền bù GPMB mỏ sét Cúc Đường - Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.</p> <p>2. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2019 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI</p> <p>3. Phê duyệt hợp đồng mua bán hàng hóa với người có liên quan. + Hợp đồng về việc mua bán xi măng giữa Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI với Hợp tác xã Sản xuất - Dịch Vụ Hoàng Thịnh Phát năm 2020. + Thông qua hợp đồng mua bán đá thải sau tuyển nước giữa Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI với Công ty than Khánh Hòa.</p>	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh và năm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý.

Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất xi măng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập và không trực tiếp điều hành. Các thành viên này luôn thực hiện tốt vai trò trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý công ty, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của HĐQT.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban trong HĐQT do vậy không có hoạt động của tiểu ban.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Đến thời điểm 31/12/2019 HĐQT Công ty có 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
1	Ông. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư cơ điện mỏ, kỹ sư quản trị DN, cử nhân tin học.



STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
2	Ông. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư khai thác, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
3	Bà. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
4	Ông. Hà Văn Chuyển	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư điện khí hóa
5	Ông. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ QTKD, dịch vụ tài chính

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát còn có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Bà. Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng ban	0%	
3	Ông. Phạm Đình Tuấn	Ủy viên	0%	Từ ngày 05/04/2019
4	Bà. Hoàng Thị Thúy	Ủy viên	4,997%	
5	Bà. Lê Thị Hồng Cẩm	Ủy viên	0%	Đến ngày 04/04/2019

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019:

- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh trong năm 2019 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đã đề ra;



- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Công ty; để từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của Pháp luật cũng như phương hướng của ĐHĐCĐ;

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: Quy chế quản lý tài chính; Quy chế quản lý công nợ; Quy chế tiêu thụ; Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; quy chế thi đua, khen thưởng; quy chế quản lý đầu tư xây dựng; quy chế khoán quản trị SXKD; quy chế quản lý vật tư...vv

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty như Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã họp;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm 2019 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.

b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 5 cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý IV và năm 2018.

+ Lần 2, họp sau khi nhận được thư kiến nghị của nhóm cổ đông Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

+ Lần 3, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2019;

+ Lần 4, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II và 6 tháng đầu năm 2019.

+ Lần 5, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III và 9 tháng đầu năm 2019.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2019 như sau:



*** Về công tác quản trị và điều hành Công ty:**

- Hội đồng quản trị:

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

+ Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

+ HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

+ HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đề ra.

+ Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Năm 2019 HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

- Ban Điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2019 thị trường tiêu thụ xi măng có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên mức độ cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt; Song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ xi măng đã hoàn thành vượt mức với kế hoạch đề ra, đồng thời Công ty đã có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, tăng giá



bán xi măng cao hơn so với kế hoạch giao giúp tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

Kết quả năm 2019, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 47.971,63 tr.đồng/kế hoạch 35.000 triệu đồng bằng 137,06% so với kế hoạch, cổ tức chi trả dự kiến 40% / kế hoạch 12% (Trong đó chi cổ tức bằng tiền 20%, chi cổ tức bằng cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ 20%);

Trong năm 2019, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

*** Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi của chế độ kế toán và quy định của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng Việt Nam trong việc lập báo cáo.

Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính kế toán hiện tại của Công ty.

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.



Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Tuy nhiên hệ số về khả năng thanh toán nợ đến hạn còn thấp so với yêu cầu chung.

*** Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.

Trong năm 2019, HĐQT cùng Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

*** Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:**

Trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà đang trên đà tăng trưởng trở lại và ngày càng hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại cũng được cho sẽ tạo động lực cho sự tăng trưởng của nền kinh tế như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)...đang đưa Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đến với nhiều cơ hội cũng như thách thức rất lớn; Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Về tình hình thực hiện tái cơ cấu lao động: Cân đối lao động để đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính. Có lộ trình giảm thiểu lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ về đúng mô hình mẫu. Gắn chính sách tiền lương với các chính sách quản lý: Ban hành và áp dụng quy chế tiền lương mới khuyến khích người lao động và cán bộ quản lý phát huy hết khả năng trong lao động sản xuất để tạo ra khối lượng sản phẩm với năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất cao nhất.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.



- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị hợp lý, đúng định kỳ đồng thời tăng cường công tác kiểm tra sớm phát hiện các sự cố về thiết bị, công nghệ có thể xảy ra để có phương án xử lý kịp thời nhằm đưa thiết bị trở lại hoạt động sớm nhất có thể. Tìm hiểu và phân tích rõ nguyên nhân gây ra sự cố từ đó đưa ra biện pháp đề phòng nhằm hạn chế việc phải dừng nhiều lần do cùng một nguyên nhân để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thời gian hoạt động của thiết bị.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống; đặc biệt là thị trường tỉnh Thái Nguyên và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Có các biện pháp hữu hiệu để tăng hệ số khả năng thanh toán, giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

- Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2019. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và viên chức quản lý đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 05/04/2019 đã thông qua, trong năm 2019 tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT, BKS và viên chức quản lý dự kiến sẽ chi trả như sau:



DVT: Tr.đ

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị					
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT		11,138	89,107	100,245
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT			74,880	74,880
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT			74,880	74,880
4	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT		9,360	74,880	84,240
5	Trịnh Quốc Bình	TV HĐQT		9,360	74,880	84,240
II	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS	383,760	47,970		431,730
3	Phạm Đình Tuấn (1)	UV BKS		6,353	50,825	57,178
4	Hoàng Thị Thúy	UV BKS		8,470	67,766	76,236
5	Lê Thị Hồng Cẩm (2)	UV BKS		2,117	16,942	19,059
III	Viên chức quản lý					
1	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	426,816	53,352		482,168
2	Lê Bá Chức	Phó GD	374,400	46,800		421,200
3	Vũ Ngọc Bách	Phó GD	374,400	46,800		421,200
4	Trần Quang Khải (3)	Phó GD	280,800	35,100		315,900
5	Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	338,832	42,354		381,186

- (1) Thành viên BKS từ ngày 05/04/2019
- (2) Thành viên BKS đến ngày 04/04/2019
- (3) Viên chức quản lý từ ngày 01/04/2019

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2019 cổ đông lớn và những người có liên quan có thực hiện việc giao dịch cổ phiếu của Công ty như sau:

Số TT	Họ và tên	CP Tăng	CP Giảm	CP hiện có tại 31/12/2019
1	Đông Quang Lực		141.000	363.000
2	Quỹ đầu tư cơ hội PVI		100.000	0

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:



Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với cổ đông nội bộ và các bên liên quan như sau:

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Hợp đồng mua bán vỏ bao với Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI;
- Hợp đồng mua bán đá thải với Công ty than Khánh Hòa VVMI;
- Hợp đồng mua bán sữa các loại, hàng hóa và dịch vụ khác với Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI;
- Hợp đồng mua bán Clinker với Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;
- Hợp đồng mua bán xi măng, dịch vụ với HTX sản xuất - dịch vụ Hoàng Thịnh Phát;
- Hợp đồng mua bán xi măng Công ty TNHH Thảo Quỳnh Anh;
- Hợp đồng sửa chữa nhà cửa, vật kiến trúc với Công ty CP đầu tư và xây dựng VVMI;
- Hợp đồng mua bán vật tư phục vụ sửa chữa với Công ty CP Cơ khí mô Việt Bắc VVMI.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Luôn ý thức tuân thủ và thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật các quy định về quản trị công ty. Xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả trong quản trị Công ty như:

- Nâng cao nhận thức về vai trò và nguyên tắc quản trị
- Chủ động áp dụng các công cụ để nâng cao chuẩn mực quản trị công ty
- Gắn kết mục tiêu quản trị công ty với mục tiêu phát triển bền vững
- Xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Kèm theo BCTC năm 2019 được kiểm toán)

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 03 năm 2020
**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến VVMI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Hà Văn Chuyển	Thành viên
Ông Trịnh Quốc Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	
Ông Lê Bá Chức	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc	
Ông Trần Quang Khải	Phó Giám đốc	Từ ngày 01/4/2019
Bà Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng ban	
Ông Phạm Đình Tuấn	Thành viên	Từ ngày 05/4/2019
Bà Lê Thị Hồng Cẩm	Thành viên	Đến ngày 04/4/2019
Bà Hoàng Thị Thúy	Thành viên	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng do Bộ Tài chính ban hành.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

Số: 33 /2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/02/2020, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo kiểm toán số 12/2019/BCKT-PKF.VPC ngày 25/02/2019.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2020

A blue ink signature of Nguyễn Văn Hải.

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.246.583.600	46.396.903.625
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.673.820.414	1.637.597.972
Tiền	111		17.673.820.414	1.637.597.972
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.039.504.140	30.193.024.863
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.267.060.621	29.654.547.271
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		132.077.659	711.304.071
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	842.311.741	1.093.126.548
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.201.945.881)	(1.265.953.027)
Hàng tồn kho	140	8	12.533.259.046	14.566.280.790
Hàng tồn kho	141		12.655.009.812	14.811.555.898
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(121.750.766)	(245.275.108)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262.018.533.651	301.181.636.256
Các khoản phải thu dài hạn	210		468.799.986	424.607.364
Phải thu dài hạn khác	216	6	468.799.986	424.607.364
Tài sản cố định	220		242.730.242.905	292.982.030.331
Tài sản cố định hữu hình	221	10	242.730.242.905	278.286.116.421
- Nguyên giá	222		925.972.787.992	916.820.372.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(683.242.545.087)	(638.534.255.979)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	14.695.913.910
- Nguyên giá	228		1.632.274.438	21.458.340.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.632.274.438)	(6.762.427.063)
Tài sản dở dang dài hạn	240		369.758.652	2.042.371.702
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	369.758.652	2.042.371.702
Tài sản dài hạn khác	260		18.449.732.108	5.732.626.859
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	18.449.732.108	5.732.626.859
TỔNG TÀI SẢN	270		309.265.117.251	347.578.539.881

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		134.514.767.132	183.806.925.029
Nợ ngắn hạn	310		128.620.126.698	153.583.822.998
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	30.406.530.906	35.659.631.184
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.666.566.876	531.542.166
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	15.032.007.156	17.830.329.659
Phải trả người lao động	314		31.616.036.795	24.609.002.699
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.177.148.262	4.112.161.380
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.397.045.560	1.987.609.718
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	38.436.556.480	64.237.934.288
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.888.234.663	4.615.611.904
Nợ dài hạn	330		5.894.640.434	30.223.102.031
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	5.480.260.740	29.798.494.667
Dự phòng phải trả dài hạn	342		414.379.694	424.607.364
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.750.350.119	163.771.614.852
Vốn chủ sở hữu	410	18	174.750.350.119	163.771.614.852
Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.114.635.437	32.114.635.437
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.171.238.526	31.192.503.259
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		11.882.812.681	17.523.571.702
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.288.425.845	13.668.931.557
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		309.265.117.251	347.578.539.881



Nguyễn Văn Dũng
 Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

Lê Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	689.684.527.536	720.636.711.235
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		689.684.527.536	720.636.711.235
Giá vốn hàng bán	11	20	589.181.912.485	633.088.741.953
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.502.615.051	87.547.969.282
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	16.241.773	2.303.641.786
Chi phí tài chính	22	22	7.526.823.503	11.074.527.881
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.465.864.983	11.070.485.932
Chi phí bán hàng	25	23	16.314.724.893	13.486.359.290
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	28.796.287.294	26.633.577.508
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.881.021.134	38.657.146.389
Thu nhập khác	31	25	91.283.692	580.857.899
Chi phí khác	32	26	672.520	105.873.172
Lợi nhuận khác	40		90.611.172	474.984.727
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.971.632.306	39.132.131.116
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.683.206.461	7.939.627.857
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.288.425.845	31.192.503.259
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.829	2.534



Nguyễn Văn Dũng
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	47.971.632.306	39.132.131.116
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	46.050.009.798	59.454.649.415
Các khoản dự phòng	03	(154.047.568)	(1.101.721.998)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(5.533.071)	(526.509.699)
Chi phí lãi vay	06	7.465.864.983	11.070.485.932
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	101.327.926.448	108.029.034.766
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13.184.043.949	(8.412.731.771)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.156.546.086	4.376.886.125
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.759.742.398	9.754.002.535
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.258.349.949	(2.285.584.609)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.417.373.024)	(10.946.766.017)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.212.235.250)	(4.009.654.882)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	431.535.000	158.906.875
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.009.154.545)	(5.492.923.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	99.479.381.011	91.171.169.531
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.826.554.342)	(5.117.363.264)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	509.859.913
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.533.071	16.649.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.821.021.271)	(4.590.853.565)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	445.382.655.137	546.234.225.011
Tiền trả nợ gốc vay	34	(495.502.266.872)	(619.143.286.197)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.502.525.563)	(14.957.171.437)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.622.137.298)	(87.866.232.623)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	16.036.222.442	(1.285.916.657)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.637.597.972	2.923.514.629
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.673.820.414	1.637.597.972



Nguyễn Văn Dũng
 Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

Lê Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên WMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 100.000.000.000 đồng, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính (tiếp)

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

1.3 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

1.4 Chu kỳ kinh doanh

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại: Phương pháp bình quân di động.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu và các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tại ngày 31/12/2019, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	8 - 20
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

3.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.10 Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Các khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí cấp quyền khai thác mỏ, chi phí sử dụng tài liệu mỏ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các khoản đầu tư mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.14 Ghi nhận giá vốn

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu được ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	399.490.543	308.717.475
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.274.329.871	1.328.880.497
Cộng	17.673.820.414	1.637.597.972

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	17.267.060.621	29.654.547.271
- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên	-	7.957.680.000
- Ủy ban nhân dân xã Trảng Xá	-	4.021.360.000
- Ủy ban nhân dân xã Vũ Chấn	2.018.100.000	791.700.000
- Ủy ban nhân dân xã Dân Tiến	1.707.860.000	1.324.400.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.541.100.621	15.559.407.271
Dài hạn	-	-
Cộng	17.267.060.621	29.654.547.271
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan <i>(Chi tiết theo thuyết minh số 28)</i>	40.947.500	-

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	842.311.741	-	1.093.126.548	-
- Tạm ứng	7.769.935	-	3.327.514	-
- Phải thu cán bộ, công nhân viên	457.032.542	-	743.656.994	-
- Phải thu khác	377.509.264	-	346.142.040	-
Dài hạn	468.799.986	-	424.607.364	-
- Kỳ cược, ký quỹ	468.799.986	-	424.607.364	-
Cộng	1.311.111.727	-	1.517.733.912	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.352.912.302	150.966.421	1.601.001.228	335.048.201
Từ 01 đến dưới 02 năm	-	-	27.000.000	13.500.000
+ Công ty TNHH Lan Kim - Bắc Cạn	-	-	27.000.000	13.500.000
Từ 02 đến dưới 03 năm	503.221.402	150.966.421	669.896.402	321.548.201
+ Công ty TNHH Lan Kim - Bắc Cạn	27.000.000	8.100.000	-	-
+ Công ty CP Tâm lập & Vật liệu Xây dựng Thái Nguyên	409.441.402	122.832.421	536.116.402	268.058.201
+ Công ty TNHH Yên Lạc - Bắc Cạn	66.780.000	20.034.000	66.780.000	33.390.000
+ Doanh nghiệp Tư nhân Quang Tuyền	-	-	67.000.000	20.100.000
Từ 03 năm trở lên	849.690.900	-	904.104.826	-
+ Công ty TNHH Dương Giang Thái Nguyên	700.165.900	-	749.108.900	-
+ Công ty TNHH Lâm Bình	77.775.000	-	77.775.000	-
+ Phòng tài chính Huyện Phò Yên	71.750.000	-	71.750.000	-
+ Ông Nguyễn Thế Giang	-	-	5.470.926	-
Cộng	1.352.912.302	150.966.421	1.601.001.228	335.048.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.826.349.594	(121.750.766)	4.153.884.489	(245.275.108)
Công cụ, dụng cụ	30.993.257	-	44.118.903	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.797.666.961	-	10.613.552.506	-
Cộng	12.655.009.812	(121.750.766)	14.811.555.898	(245.275.108)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	18.449.732.108	5.732.626.859
- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	389.913.452	1.169.740.352
- Phí sử dụng tài liệu	1.293.398.505	1.422.601.250
- Chi phí sửa chữa tuyến đường từ Mô Đòng Chuông ra QL 1B	1.992.089.053	3.140.285.257
- Chi phí đền bù GPMB (*)	14.774.331.098	-
Cộng	18.449.732.108	5.732.626.859

(*) : Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình.

CÔNG TY CP XI MĂNG LA HIỀN VVM

Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2019	323.716.441.214	569.525.486.747	23.259.353.530	319.090.909	916.820.372.400
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	9.152.415.592	-	-	9.152.415.592
Tại 31/12/2019	<u>323.716.441.214</u>	<u>578.677.902.339</u>	<u>23.259.353.530</u>	<u>319.090.909</u>	<u>925.972.787.992</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2019	193.939.722.957	421.302.293.794	22.973.148.319	319.090.909	638.534.255.979
- Khấu hao trong năm	10.758.485.179	35.005.319.408	286.205.211	-	46.050.009.798
- Giảm khác	(1.341.720.690)	-	-	-	(1.341.720.690)
Tại 31/12/2019	<u>203.356.487.446</u>	<u>456.307.613.202</u>	<u>23.259.353.530</u>	<u>319.090.909</u>	<u>683.242.545.087</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	129.776.718.257	148.223.192.953	286.205.211	-	278.286.116.421
Tại 31/12/2019	<u>120.359.953.768</u>	<u>122.370.289.137</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>242.730.242.905</u>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 362.979.042.015 đồng.

Giá trị còn lại các tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho Công ty tại ngày 31/12/2019 là 228.322.244.601 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2019	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
- Phân loại lại tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước	(19.826.066.535)	-	(19.826.066.535)
Tại 31/12/2019	-	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2019	5.130.152.625	1.632.274.438	6.762.427.063
- Trích khấu hao trong năm	-	-	-
- Phân loại lại tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước	(5.130.152.625)	-	(5.130.152.625)
Tại 31/12/2019	-	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2019	14.695.913.910	-	14.695.913.910
Tại 31/12/2019	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.632.274.438 đồng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2019 <u>VND</u>	Tại 01/01/2019 <u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	369.758.652	2.042.371.702
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Mỏ sét Cúc Đường	-	1.597.751.800
- Hệ thống quan trắc khí thải tự động	-	444.619.902
- Dự án: Cân cấp than	51.353.525	-
- Đường điện 35Kv và 0,4 Kv Mỏ đá Đồng Chuông	67.405.127	-
- Thiết kế bản vẽ thi công mở rộng mỏ sét Cúc Đường	162.000.000	-
- Chi phí tư vấn cải tạo hệ thống cấp thoát nước	89.000.000	-
Cộng	369.758.652	2.042.371.702

CÔNG TY CP XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	30.406.530.906	30.406.530.906	35.659.631.184	35.659.631.184
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	2.668.682.016	2.668.682.016	2.865.971.215	2.865.971.215
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	2.223.549.900	2.223.549.900	3.925.042.110	3.925.042.110
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Nhất Kiến	-	-	4.323.000.000	4.323.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Lương	951.324.962	951.324.962	678.822.519	678.822.519
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thành Thiên	7.871.762.100	7.871.762.100	-	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bắc Thái	2.654.821.658	2.654.821.658	1.817.776.620	1.817.776.620
- Các đối tượng khác	14.036.390.270	14.036.390.270	22.049.018.720	22.049.018.720
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	30.406.530.906	30.406.530.906	35.659.631.184	35.659.631.184
Phải trả người bán là các bên liên quan	3.669.515.477	3.669.515.477	3.349.288.408	3.349.288.408

(Chi tiết theo thuyết minh số 28)

CÔNG TY CP XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2019		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Tại 31/12/2019	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	9.856.001.455		21.192.696.654		24.113.345.195		6.935.352.914	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.059.184.201		11.164.242.687		12.212.235.250		6.011.191.638	
- Thuế thu nhập cá nhân	258.844.297		977.142.362		877.170.472		358.816.187	
- Thuế tài nguyên	490.303.418		2.177.250.613		1.353.342.924		1.314.211.107	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-		814.981.283		814.981.283		-	
- Các loại thuế khác	18.348.119		5.728.950		24.077.069		-	
- Quyền khai thác khoáng sản	-		2.627.151.000		2.627.151.000		-	
- Phí bảo vệ môi trường	147.648.169		681.430.559		416.643.418		412.435.310	
Cộng	17.830.329.659		39.640.624.108		42.438.946.611		15.032.007.156	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	3.177.148.262	4.112.161.380
- Chi phí lãi vay	1.486.310.863	1.437.817.435
- Chi phí điện năng tiêu thụ	1.163.021.720	2.474.283.945
- Chi phí phải trả khác	527.815.679	200.060.000
Dài hạn	-	-
Cộng	3.177.148.262	4.112.161.380

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	3.397.045.560	1.987.609.718
- Kinh phí công đoàn	83.929.180	122.544.942
- Lợi nhuận, cổ tức phải trả	770.886.750	273.412.313
- Phải trả, phải nộp khác	2.542.229.630	1.591.652.463
Dài hạn	-	-
Cộng	3.397.045.560	1.987.609.718

CÔNG TY CP XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	Tại 01/01/2019		Trong năm		Tại 31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	64.237.934.288	64.237.934.288	465.199.523.939	491.000.901.747	38.436.556.480	38.436.556.480
Vay ngắn hạn	64.237.934.288	64.237.934.288	442.702.406.259	491.000.901.747	15.939.438.800	15.939.438.800
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	22.497.117.680	-	22.497.117.680	22.497.117.680
Vay và nợ dài hạn	29.798.494.667	29.798.494.667	2.680.248.878	26.998.482.805	5.480.260.740	5.480.260.740
Vay dài hạn	29.798.494.667	29.798.494.667	2.680.248.878	26.998.482.805	5.480.260.740	5.480.260.740
Cộng	94.036.428.955	94.036.428.955	467.879.772.817	517.999.384.552	43.916.817.220	43.916.817.220

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	01/01/2019	31/12/2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	VND	Thả nổi có điều chỉnh	Thế chấp	26.651.000.000	15.504.993.653
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	VND	Thả nổi có điều chỉnh	Thế chấp	7.527.000.000	5.181.283
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	VND	Thả nổi có điều chỉnh	Thế chấp	30.059.934.288	429.263.864
				64.237.934.288	15.939.438.800

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	01/01/2019	31/12/2019
Vay cá nhân	VND	8,8%	Không có	29.798.494.667	27.977.378.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2018	100.000.000.000	464.476.156	24.327.394.348	27.978.735.149	152.770.605.653				
- Lãi trong năm	-	-	-	31.192.503.259	31.192.503.259				
- Phân phối lợi nhuận	-	-	7.787.241.089	(27.978.735.149)	(20.191.494.060)				
31/12/2018	100.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	31.192.503.259	163.771.614.852				
01/01/2019	100.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	31.192.503.259	163.771.614.852				
- Lãi trong năm	-	-	-	38.288.425.845	38.288.425.845				
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(27.309.690.578)	(27.309.690.578)				
31/12/2019	100.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	42.171.238.526	174.750.350.119				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	51,38%	51.383.000.000	51,38%	51.383.000.000
Các cổ đông khác	48,62%	48.617.000.000	48,62%	48.617.000.000
Cộng	100%	100.000.000.000	100%	100.000.000.000

18.3 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

18.4 Cổ phiếu

	Tại 31/12/2019 Cổ phiếu	Tại 01/01/2019 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	687.366.617.458	718.062.384.998
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.317.910.078	2.574.326.237
Cộng	<u>689.684.527.536</u>	<u>720.636.711.235</u>
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết theo thuyết minh số 28)</i>	1.715.901.092	6.753.067.182

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Giá vốn thành phẩm đã bán	586.383.750.393	630.222.799.807
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	636.989.250	1.500.757.363
- Tiền cấp quyền	2.284.697.184	2.441.823.835
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(123.524.342)	(1.076.639.052)
Cộng	<u>589.181.912.485</u>	<u>633.088.741.953</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.533.071	5.852.566
- Chiết khấu thanh toán tiền than	-	2.286.992.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.708.702	10.797.220
Cộng	<u>16.241.773</u>	<u>2.303.641.786</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí lãi vay	7.465.864.983	11.070.485.932
- Chi phí tài chính khác	60.958.520	4.041.949
Cộng	<u>7.526.823.503</u>	<u>11.074.527.881</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	28.796.287.294	26.633.577.508
- Chi phí nhân viên quản lý	16.718.948.820	16.726.210.000
- Chi phí vật liệu quản lý	393.861.519	321.627.637
- Chi phí đồ dùng văn phòng	432.254.963	326.359.356
- Chi phí khấu hao TSCĐ	28.913.976	473.529.660
- Thuế, phí và lệ phí	6.628.821	3.000.000
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(64.007.146)	(68.338.406)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.739.244	735.975.925
- Chi phí bằng tiền khác	10.468.947.097	8.115.213.336
Các khoản chi phí bán hàng	16.314.724.893	13.486.359.290
- Chi phí nhân viên	3.988.202.639	2.468.415.298
- Chi phí vật liệu, bao bì	6.063.308.075	2.639.974.040
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	185.829.766	212.241.447
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	284.877.034	327.894.397
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	956.401.769	1.302.130.566
- Chi phí bằng tiền khác	4.836.105.610	6.535.703.542
Cộng	45.111.012.187	40.119.936.798

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	467.567.578.139	500.436.266.443
Chi phí nhân công	90.070.298.236	88.678.957.029
Khấu hao tài sản cố định	46.050.009.798	59.454.649.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.145.910.843	15.653.620.544
Chi phí bằng tiền khác	22.100.935.713	21.235.753.717
Cộng	646.934.732.729	685.459.247.148

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu từ thanh lý tài sản, vật tư	-	491.185.368
Thu nhập khác	91.283.692	89.672.531
Cộng	91.283.692	580.857.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí khác	672.520	105.873.172
Cộng	672.520	105.873.172

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	38.288.425.845	31.192.503.259
Các khoản điều chỉnh giảm (VND)	-	5.850.242.304
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)</i>	-	5.850.242.304
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	38.288.425.845	25.342.260.955
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.829	2.534

(*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 08/NQ-HĐQT ngày 05/4/2019.

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 chưa giảm trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về việc trích quỹ này trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu với bên liên quan			
- Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ	Cùng Tập đoàn	53.590.910	-
- Công ty Than Khánh Hòa - WMI	Cùng Công ty mẹ	1.138.800.000	1.229.400.000
- Công ty Cơ khí mỏ Việt Bắc - WMI	Cùng Công ty mẹ	517.192.000	572.910.910
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - WMI	Cùng Công ty mẹ	-	115.595.453
- Công ty Xi măng Tân Quang - WMI	Cùng Công ty mẹ	-	2.377.499.728
- Công ty Xi măng Quán Triều WMI	Cùng Công ty mẹ	4.500.000	2.456.752.000
- Công ty CP sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - WMI	Cùng Công ty mẹ	1.818.182	909.091
Mua hàng bên có liên quan			
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Tập đoàn	119.532.085.835	128.568.831.088
- Trường Cao đẳng Nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn	218.000.000	88.577.727
- Trường cao đẳng Than khoáng sản Việt nam	Cùng Tập đoàn	144.074.000	-
- Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	Cùng Tập đoàn	865.564.351	326.330.770
- Công ty Than Núi Hồng - WMI	Cùng Công ty mẹ	32.400.000	113.909.091
- Bệnh viện Than - Khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn	291.233.700	271.860.300
- Chi nhánh CTCP Vật tư - TKV - Xi nghiệp Vật tư Hòa Giải	Cùng Tập đoàn	816.420.330	723.206.000
- Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	2.000.000	54.819.200
- Công ty Than Khánh Hòa - WMI	Cùng Công ty mẹ	3.033.790.250	2.473.671.250
- Công ty Cơ khí mỏ Việt Bắc - WMI	Cùng Công ty mẹ	1.226.738.500	2.154.862.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - WMI	Cùng Công ty mẹ	560.177.388	1.996.086.040
- Công ty Xi măng Quán Triều WMI	Cùng Công ty mẹ	758.862.000	9.964.284.049
- Tạp chí than khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn	15.000.000	15.000.000
- Công ty Xi măng Tân Quang - WMI	Cùng Công ty mẹ	-	3.969.233.090
- Công ty CP sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - WMI	Cùng Công ty mẹ	47.544.870.586	67.052.447.804
- Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	-	165.146.195
- Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - WMI	Cùng Công ty mẹ	2.487.092.756	3.735.444.898
- Trung tâm điều dưỡng ngành than - WMI	Cùng Công ty mẹ	752.990.001	644.531.818
- Công ty CP Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI	Cùng Công ty mẹ	160.260.000	34.080.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương, thưởng của ban Giám đốc	2.037.856.500	1.908.225.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	417.519.000	330.390.000
Thù lao, lương và thưởng của Ban kiểm soát	585.328.800	432.000.000

Số dư với các bên liên quan:

		VND	VND
Các khoản phải thu		40.947.500	-
Công ty than Khánh hoá - VVMİ	Cùng Công ty mẹ	40.947.500	-
Phải thu khác		-	343.145.811
Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV - CTCP	Công ty mẹ	-	343.145.811
Phải trả người bán		3.669.515.477	3.349.288.408
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMİ	Cùng Công ty mẹ	3.334.534.016	2.865.971.215
Công ty Cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMİ	Cùng Công ty mẹ	11.368.389	-
Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	-	69.665.000
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Cùng Tập đoàn	267.288.903	74.456.503
Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc VVMİ	Cùng Công ty mẹ	-	241.675.850
Công ty Thanh Khánh Hòa - VVMİ	Cùng Công ty mẹ	-	18.526.200
Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	Cùng Tập đoàn	56.324.169	78.993.640

29. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Dũng
 Giám đốc

Lê Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng
 Người lập biểu

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số: 165.../CLH-KTTKTC

"V/v : Giải trình biến động lợi nhuận
sau thuế năm 2019 so với năm 2018"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI
Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 02803.829.154

Fax: 02803.829.056

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

Mã chứng khoán: **CLH**

Nội dung giải trình:

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Lợi nhuận sau thuế	31.192.503.259	38.288.425.845	22,75%

Nguyên nhân: Mặc dù sản lượng tiêu thụ năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm trước là 8,49% nhưng Công ty đã cơ cấu được vùng tiêu thụ sản phẩm, giữ vùng thị trường giá cao góp phần tăng hiệu quả trong kinh doanh. Bên cạnh đó Công ty đưa ra các giải pháp điều hành nhằm tăng năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Những yếu tố đó đã giúp Công ty nâng cao được lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, (website);
- Lưu: VP, KTTKTC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG